

Bài 1

Những vấn đề chung về nhà nước và pháp luật

Câu 1. Theo quan điểm của chủ nghĩa Marx – Lenin, Nhà nước là hiện tượng xã hội có tính vĩnh cửu, bất biến.

Lời giải. Sai. Theo học thuyết Marx:

- Nhà nước xuất hiện tại xã hội tồn tại **chế độ tư hữu** và **phân chia thành các giai cấp** đối kháng. Nhà nước là sản phẩm của những đối kháng giai cấp không thể điều hòa được.
- Nhà nước là một phạm trù lịch sử, **xuất hiện khách quan** nhưng không vĩnh cửu và bất biến. Nhà nước luôn vận động, phát triển và **sẽ tiêu vong** khi điều kiện khách quan cho sự tồn tại của nó không còn nữa.
- Trong hình thái kinh tế **cộng sản chủ nghĩa** không tồn tại nhà nước.

Câu 2. Theo chủ nghĩa Marx – Lenin, nguyên nhân hình thành nhà nước là do ba lần phân công lao động trong xã hội công xã nguyên thủy.

Lời giải. Sai. Theo quan điểm của chủ nghĩa Marx - Lenin, nhà nước xuất hiện tại xã hội tồn tại chế độ tư hữu và phân chia thành các giai cấp đối kháng. Nhà nước là sản phẩm của những đối kháng giai cấp không thể điều hòa được.

Câu 3. Khi lý giải nguồn gốc ra đời của Nhà nước, các học thuyết đều dựa trên việc phân tích tiền đề kinh tế, tiền đề xã hội cho sự ra đời của nhà nước.

Lời giải. Sai. Học thuyết về thần quyền, học thuyết gia trưởng và học thuyết kế ước xã hội không đề cập đến tiền đề kinh tế – xã hội.

- Học thuyết thần quyền cho rằng mọi sự vật trên thế giới đều do Thượng đế sáng tạo ra, và **Thượng đế tạo ra nhà nước** để duy trì trật tự thế giới bằng cách trao quyền lực tối thượng, siêu nhiên, vô hạn cho nhà nước.
- Học thuyết gia trưởng cho rằng nhà nước tiến hóa theo thời gian, ban đầu là từ các gia đình riêng lẻ rồi đến các gia tộc, sau đó tập trung lại thành các bộ lạc, dần dần hình thành nên nhà nước. Nhà nước là kết quả từ **"gia đình"** và **"quyền gia trưởng"**.

Câu 4. Nhà nước xã hội chủ nghĩa tôn trọng tối đa quyền làm chủ của nhân dân nên không mang bản chất giai cấp.

Lời giải. Sai. Nhà nước là một cơ quan thống trị giai cấp, là một cơ quan áp bức của một giai cấp này với một giai cấp khác, đó là sự kiến lập một "**trật tự**", trật tự này hợp pháp hóa và củng cố sự áp bức kia bằng cách làm dịu bớt xung đột giai cấp. **Bất cứ nhà nước nào cũng mang bản chất giai cấp.**

Câu 5. Tùy vào các nhà nước khác nhau mà bản chất nhà nước có thể là bản chất giai cấp hay xã hội.

Lời giải. Sai. Bản chất của nhà nước **luôn bao gồm tính giai cấp (class) và tính xã hội (social).**

Tính giai cấp:

- Nhà nước là sản phẩm và biểu hiện của những mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được.
- Nhà nước là một cơ quan thống trị giai cấp, là một cơ quan áp bức của một giai cấp này với một giai cấp khác, đó là sự kiến lập một "**trật tự**", trật tự này hợp pháp hóa và củng cố sự áp bức kia bằng cách làm dịu bớt xung đột giai cấp.

Tính xã hội: nhà nước phản ánh ý chí chung, lợi ích chung của xã hội và cũng thể hiện qua các nhiệm vụ chung của nhà nước.

Câu 6. Chức năng lập pháp của nhà nước là hoạt động xây dựng pháp luật và tổ chức thực thi pháp luật.

Lời giải. Sai. Chức năng lập pháp của nhà nước chỉ bao gồm hoạt động xây dựng và ban hành pháp luật. Tất cả các quy định của nhà nước đều được thể hiện trong những quy định của pháp luật và được đảm bảo thực hiện bằng nhiều biện pháp, trong đó có biện pháp cưỡng chế nhà nước.

Hoạt động tổ chức thực thi pháp luật là do cơ quan hành pháp chịu trách nhiệm.

Câu 7. Nguồn gốc ra đời của pháp luật và nhà nước là giống nhau.

Lời giải. Đúng. Nguồn gốc của nhà nước: nhà nước xuất hiện tại xã hội tồn tại chế độ tư hữu và phân chia thành các giai cấp đối kháng. Nhà nước là sản phẩm của những đối kháng giai cấp không thể điều hòa được.

Nguồn gốc của pháp luật: sự hình thành xã hội giai cấp dẫn đến sự xung đột lợi ích giữa các nhóm, các tập đoàn người, dẫn đến sự đấu tranh gay gắt giữa các giai cấp trong xã hội, do đó cần phải có pháp luật.

Vậy nguồn gốc ra đời của pháp luật và nhà nước đều là **chế độ tư hữu và sự phân chia thành các giai cấp đối kháng.**

Câu 8. Pháp luật và nhà nước ra đời cùng một thời điểm.

Lời giải. Sai. Để bảo đảm xã hội được ổn định, giai cấp cầm quyền đã thiết lập một thiết chế là nhà nước, do giai cấp thống trị nắm giữ. Để bảo đảm trật tự xã hội, bảo vệ lợi ích kinh tế – chính trị của mình, họ đặt ra các quy tắc ứng xử mang tính bắt buộc đối với mọi người trong xã hội, khi đó pháp luật mới xuất hiện.

Nghĩa là nhà nước hình thành trước, rồi sau đó nhà nước đặt ra pháp luật. Pháp luật là công cụ điều chỉnh xã hội của nhà nước.

Câu 9. Pháp luật chỉ ra đời khi xã hội có sự tư hữu, phân hóa giai cấp và đấu tranh giai cấp.

Lời giải. Đúng. Nguồn gốc ra đời của pháp luật:

- Sự hình thành xã hội giai cấp dẫn đến sự xung đột lợi ích giữa các nhóm, các tập đoàn người, dẫn đến sự đấu tranh gay gắt giữa các giai cấp trong xã hội.
- Để bảo đảm xã hội được ổn định, giai cấp cầm quyền đã thiết lập một thiết chế là nhà nước, do giai cấp thống trị nắm giữ. Để bảo đảm trật tự xã hội, bảo vệ lợi ích kinh tế — chính trị của mình, họ đặt ra các quy tắc ứng xử mang tính bắt buộc đối với mọi người trong xã hội, khi đó pháp luật xuất hiện.

Vậy **pháp luật chỉ ra đời khi có sự tư hữu, phân hóa giai cấp và đấu tranh giai cấp.**

Câu 10. Pháp luật tồn tại song hành với sự tồn tại của nhà nước.

Lời giải. Đúng. Để đảm bảo trật tự xã hội, bảo vệ lợi ích kinh tế — chính trị của mình, nhà nước đặt ra các quy tắc ứng xử mang tính bắt buộc đối với mọi người trong xã hội — đó là pháp luật. Pháp luật là công cụ quản lý xã hội của nhà nước và chỉ có nhà nước mới có thẩm quyền ban hành pháp luật.

Bài 2

Hình thái nhà nước, bộ máy nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

Câu 11. Trong chính thể cộng hòa tổng thống, Tổng thống do nhân dân trực tiếp bầu ra, là nguyên thủ quốc gia còn Thủ tướng là người đứng đầu Chính phủ.

Lời giải. Sai. Trong chính thể cộng hòa tổng thống, Tổng thống do nhân dân trực tiếp bầu ra, vừa là nguyên thủ quốc gia vừa là người đứng đầu Chính phủ; không có chức vụ Thủ tướng.

Chỉ có trong chính thể cộng hòa lưỡng tính thì Tổng thống do nhân dân bầu ra, là nguyên thủ quốc gia còn Thủ tướng là người đứng đầu Chính phủ.

Câu 12. Tại các quốc gia theo hình thức chính thể cộng hòa dân chủ đại nghị, cơ quan quyền lực nhà nước (Quốc hội, Nghị viện) và nguyên thủ quốc gia (Tổng thống, Chủ tịch nước) do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân.

Lời giải. Sai. Tại các quốc gia theo hình thức chính thể cộng hòa dân chủ đại nghị, cơ quan quyền lực nhà nước (Nghị viện, Quốc hội) là một thiết chế quyền lực trung tâm, do nhân dân bầu ra, nguyên thủ quốc gia (Tổng thống, Chủ tịch nước) do cơ quan quyền lực nhà nước (Nghị viện, Quốc hội) bầu ra và chịu trách nhiệm trước cơ quan quyền lực nhà nước (Nghị viện, Quốc hội).

Câu 13. Tại các nhà nước theo chế độ quân chủ, quyền lực nhà nước tập trung hoàn toàn trong tay người đứng đầu nhà nước đó.

Lời giải. Sai. Chỉ có trong chính thể quân chủ chuyên chế thì quyền lực nhà nước mới tập trung hoàn toàn vào tay người đứng đầu nhà nước – nhà vua.

Còn tại các quốc gia theo chính thể quân chủ lập hiến, quyền lực của nhà vua bị hạn chế, phải nhường quyền lực cho các thiết chế khác (Nghị viện, Quốc hội) – là các cơ quan do nhân dân bầu ra.

Câu 14. Các quốc gia theo hình thức chính thể quân chủ thì chế độ chính trị là phản dân chủ.

Lời giải. Sai. Tại các quốc gia theo hình thức chính thể quân chủ lập hiến (quân chủ hạn chế) như Thái Lan, Nhật Bản, Anh, ... thì vẫn có chế độ chính trị dân chủ.

Câu 15. Tại các quốc gia theo hình thức chính thể cộng hòa, mọi người dân đều có quyền tham gia bầu cử ra cơ quan quyền lực nhà nước.

Lời giải. Sai. Tại các quốc gia theo hình thức chính thể cộng hòa, tất cả mọi người **đủ tuổi bầu cử theo quy định** thuộc các tầng lớp nhân dân mới được đi bầu cử. Ví dụ, ở nước ta, theo Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng Nhân dân 2015, công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên mới được đi bầu cử.

Câu 16. Tại các quốc gia theo hình thức cấu trúc nhà nước liên bang, mặc dù có hai hệ thống cơ quan nhà nước nhưng chỉ có một hệ thống pháp luật áp dụng chung cho toàn liên bang.

Lời giải. Sai. Tại các quốc gia theo hình thức cấu trúc nhà nước liên bang, có các đặc điểm sau:

- Được hợp thành từ hai nhà nước thành viên trở lên.
- Có hai loại chủ quyền quốc gia: chủ quyền nhà nước liên bang và chủ quyền nhà nước thành viên mỗi bang.
- Có hai hệ thống cơ quan nhà nước: nhà nước liên bang và nhà nước thành viên mỗi bang.
- **Có hai hệ thống pháp luật: hệ thống pháp luật liên bang và hệ thống pháp luật mỗi bang.**

Câu 17. Tại Việt Nam, mọi công dân đều có quyền bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

Lời giải. Sai. Theo Điều 2 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng Nhân dân 2015, công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam **đủ mười tám tuổi trở lên** có quyền bầu cử.

Câu 18. Ở nước ta, người từ đủ 18 tuổi trở lên có thể ứng cử làm Đại biểu Quốc hội.

Lời giải. Sai. Theo Điều 2 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng Nhân dân 2015, công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam **đủ hai mươi một tuổi trở lên** có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp.

Câu 19. Ở nước ta, tất cả mọi người từ đủ 18 tuổi trở lên có quyền đi bầu cử đại biểu Quốc hội.

Lời giải. Sai. Tại khoản 1, Điều 30 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng Nhân dân 2015, người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong giai đoạn chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự thì không được ghi tên vào danh sách cử tri.

Câu 20. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam là các cơ quan nhà nước.

Lời giải. Sai.

Đảng Cộng sản Việt Nam là tổ chức chính trị.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là tổ chức chính trị – xã hội.

Câu 21. Ở nước ta, Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của người dân cả nước, nắm trong tay quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Lời giải. Sai. Theo Điều 69 Hiến pháp 2013:

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

Quốc hội không thực hiện quyền hành pháp và tư pháp.

Câu 22. Ở nước ta, Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của người dân cả nước.

Lời giải. Sai. Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân địa phương, do Nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

Câu 23. Quốc hội là cơ quan hành chính cao nhất của nước ta.

Lời giải. Sai. Theo điều 69 Hiến pháp 2013:

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Theo Điều 94 Hiến pháp 2013:

Chính phủ là cơ quan hành chính cao nhất của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội.

Câu 24. Ở nước ta, Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân cả nước.

Lời giải. Sai. Theo Điều 69 Hiến pháp 2013:

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

Theo Điều 94 Hiến pháp 2013:

Chính phủ là cơ quan hành chính cao nhất của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội.

Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.

Câu 25. Ở nước ta, người đứng đầu Chính phủ là người có quyền lực nhà nước cao nhất.

Lời giải. Sai. Theo Điều 69 Hiến pháp 2013:

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

Theo Điều 94 Hiến pháp 2013:

Chính phủ là cơ quan hành chính cao nhất của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội.

Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.

Câu 26. Ở nước ta, Chủ tịch Quốc hội là người có quyền lực nhà nước cao nhất.

Lời giải. Sai. Theo Điều 69 Hiến pháp 2013:

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

Câu 27. Ở nước ta, Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất.

Lời giải. Đúng. Theo Điều 94 Hiến pháp 2013:

Chính phủ là cơ quan hành chính cao nhất của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội.

Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.

Câu 28. Ở nước ta, các thành viên Chính phủ do Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Lời giải. Sai. Theo Điều 28 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015, **Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội phê chuẩn** đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ; trong thời gian Quốc hội không họp, trình Chủ tịch nước quyết định tạm đình chỉ công tác của Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ.

Sau đó, Điều 88 Hiến pháp 2013 quy định, **Chủ tịch nước** căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, **bổ nhiệm, miễn nhiệm**, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ.

Câu 29. Ở nước ta, Chủ tịch nước phải là đại biểu Quốc hội.

Lời giải. Đúng. Theo Điều 87 Hiến pháp 2013:

*Chủ tịch nước do Quốc hội bầu **trong số đại biểu Quốc hội**.*

Chủ tịch nước chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội.

Nhiệm kỳ của Chủ tịch nước theo nhiệm kỳ của Quốc hội. Khi Quốc hội hết nhiệm kỳ, Chủ tịch nước tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Quốc hội khóa mới bầu ra Chủ tịch nước mới.

Câu 30. Ở nước ta, các thành viên Chính phủ đều phải là đại biểu Quốc hội.

Lời giải. Sai. Điều 98 Hiến pháp 2013 quy định: *Thủ tướng Chính phủ do Quốc hội bầu trong số đại biểu Quốc hội.*

Không có quy định Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ phải là đại biểu Quốc hội.

Câu 31. Ở nước ta, Chủ tịch nước là người có quyền lực nhà nước cao nhất.

Lời giải. Sai. Theo Điều 69 Hiến pháp 2013:

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

Câu 32. Ở nước ta, Thủ tướng Chính phủ do Chủ tịch nước bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Lời giải. Sai. Khoản 7 Điều 70 Hiến pháp 2013 quy định Quốc hội có quyền hạn bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, **Thủ tướng Chính phủ**, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan khác do Quốc hội thành lập; phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, phê chuẩn danh sách thành viên Hội đồng quốc phòng và an ninh, Hội đồng bầu cử quốc gia.

Câu 33. Ở nước ta, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao được Chủ tịch nước bổ nhiệm.

Lời giải. Sai. Khoản 7 Điều 70 Hiến pháp 2013 quy định Quốc hội có quyền hạn bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, **Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao**, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan khác do Quốc hội thành lập; phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, phê chuẩn danh sách thành viên Hội đồng quốc phòng và an ninh, Hội đồng bầu cử quốc gia.

Câu 34. Theo quy định của Hiến pháp 2013, trong cơ cấu tổ chức của Chính phủ thì chỉ duy nhất Thủ tướng Chính phủ mới được là đại biểu Quốc hội.

Lời giải. Sai. Hiến pháp 2013 quy định Thủ tướng Chính phủ được Quốc hội bầu trong số đại biểu Quốc hội, không có quy định về việc các Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ có phải là đại biểu Quốc hội hay không. Nghĩa là **Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ vẫn có thể là đại biểu Quốc hội.**

Câu 35. Ở nước ta, Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan duy nhất có chức năng thực hành quyền công tố.

Lời giải. Đúng. Điều 107 Hiến pháp 2013 quy định:

1. Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp.
2. Viện kiểm sát nhân dân gồm Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các Viện kiểm sát khác do luật định.
3. Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

Câu 36. Ở nước ta, Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan duy nhất có chức năng thực hành quyền công tố và xét xử các vụ án hình sự.

Lời giải. Sai. Điều 102 Hiến pháp 2013 quy định:

1. Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp.
2. Tòa án nhân dân gồm Tòa án nhân dân tối cao và các Tòa án khác do luật định.
3. Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Câu 37. Ở nước ta, Tòa án nhân dân là cơ quan duy nhất có chức năng xét xử.

Lời giải. Đúng. Điều 102 Hiến pháp 2013 quy định:

1. Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp.
2. Tòa án nhân dân gồm Tòa án nhân dân tối cao và các Tòa án khác do luật định.
3. Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Câu 38. Ở nước ta, Tòa án nhân dân là cơ quan duy nhất có chức năng xét xử và thi hành bản án, quyết định do mình ban hành.

Lời giải. Sai. Điều 102 Hiến pháp 2013 quy định:

1. Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp.
2. Tòa án nhân dân gồm Tòa án nhân dân tối cao và các Tòa án khác do luật định.
3. Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Tòa án nhân dân không có quyền thi hành bản án, quyết định do mình ban hành.

Câu 39. Ở nước ta, Hội đồng nhân dân do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân.

Lời giải. Đúng. Điều 113 Hiến pháp 2013 quy định:

1. Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, do Nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.
2. Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

Câu 40. Ở nước ta, Hội đồng nhân dân là cơ quan hành chính nhà nước, do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân.

Lời giải. Sai. Điều 113 Hiến pháp 2013 quy định:

1. Hội đồng nhân dân là **cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương**, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, do Nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.
2. Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

Câu 41. Ở nước ta, Ủy ban nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương.

Lời giải. Sai. Điều 114 Hiến pháp 2013 quy định:

1. Ủy ban nhân dân ở cấp chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, **cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương**, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên.
2. Ủy ban nhân dân tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao.

Câu 42. Ở nước ta, Ủy ban nhân dân các cấp là cơ quan có quyền quyết định mọi vấn đề quan trọng nảy sinh tại địa phương cấp đó.

Lời giải. Sai. Điều 113 Hiến pháp 2013 quy định:

1. Hội đồng nhân dân là **cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương**, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, do Nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.
 2. Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.
- Nghĩa là thẩm quyền quyết định các vấn đề quan trọng nảy sinh tại địa phương là của Hội đồng nhân dân các cấp.**

Bài 3

Pháp luật – Công cụ điều chỉnh các mối quan hệ xã hội

Câu 43. Chỉ pháp luật mới mang tính quy phạm.

Lời giải. Sai. Ngoài quy phạm pháp luật, ta còn các các quy phạm khác như quy phạm tôn giáo, quy phạm đạo đức.

Câu 44. Ngôn ngữ pháp lý rõ ràng, chính xác thể hiện tính cưỡng chế nhà nước của pháp luật.

Lời giải. Sai. Tính cưỡng chế của pháp luật thể hiện qua quyền lực nhà nước bằng các tổ chức trấn áp công an, quân đội, nhà tù

Câu 45. Chỉ pháp luật mới mang tính cưỡng chế.

Lời giải. Sai. Tính cưỡng chế của pháp luật mang bản chất quyền lực chính trị. Có thể có các thực thể khác cũng mang tính cưỡng chế.

Câu 46. Chỉ pháp luật mới mang tính cưỡng chế nhà nước.

Lời giải. Đúng. Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung (general rules of conduct) do nhà nước ban hành (hoặc thừa nhận) để điều chỉnh các quan hệ xã hội phù hợp với ý chí của giai cấp thống trị và được nhà nước đảm bảo thực hiện bằng quyền lực nhà nước.

Câu 47. Tập quán pháp là những tập quán thông thường của người dân trong cuộc sống hàng ngày.

Lời giải. Sai. Tập quán pháp là những tập quán thông thường của người dân trong cuộc sống hàng ngày, phù hợp với lợi ích của giai cấp thống trị, được nhà nước thừa nhận và áp dụng.

Câu 48. Tập quán pháp không được thừa nhận tại Việt Nam.

Lời giải. Sai. Điều 5 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về việc áp dụng tập quán:

1. Tập quán là quy tắc xử sự có nội dung rõ ràng để xác định quyền, nghĩa vụ của cá nhân, pháp nhân trong quan hệ dân sự cụ thể, được hình thành và lặp đi lặp lại nhiều lần trong một thời gian dài, được thừa nhận và áp dụng rộng rãi trong một vùng, miền, dân tộc, cộng đồng dân cư hoặc trong một lĩnh vực dân sự.

2. Trường hợp các bên không có thỏa thuận và pháp luật không quy định thì có thể áp dụng tập quán nhưng tập quán áp dụng không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại Điều 3 của Bộ luật này.

Nghĩa là tập quán pháp được thừa nhận tại Việt Nam.

Câu 49. Tiền lệ pháp không được thừa nhận tại Việt Nam.

Lời giải. Sai. Khoản 3 điều 45 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 quy định về việc áp dụng các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ, lệ công bằng, trong đó quy định về việc áp dụng án lệ như sau:

Án lệ được Tòa án nghiên cứu, áp dụng trong giải quyết vụ việc dân sự khi đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao lựa chọn và được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao công bố.

Như vậy, án lệ được thừa nhận tại Việt Nam, có nghĩa là tiền lệ pháp được thừa nhận tại Việt Nam.

Câu 50. Văn bản quy phạm pháp luật là hình thức pháp luật duy nhất được thừa nhận tại Việt Nam.

Lời giải. Sai. Pháp luật Việt Nam thừa nhận ba hình thức:

- Tập quán pháp (legal practices): phong tục, tập quán lưu truyền trong xã hội, phù hợp với lợi ích của giai cấp thống trị.
- Tiền lệ pháp (legal precedents): nhà nước thừa nhận các bản án của Tòa án nhân dân hoặc quyết định của cơ quan hành chính nhà nước.
- Văn bản quy phạm pháp luật (legislative documents): cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành dưới hình thức văn bản (pháp luật thành văn).

Câu 51. Mọi quy tắc xử sự tồn tại trong xã hội có nhà nước là quy phạm pháp luật.

Lời giải. Sai. Quy phạm pháp luật là những quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung do Nhà nước đặt ra và bảo đảm thực hiện, thể hiện ý chí, lợi ích của giai cấp thống trị và nhu cầu tồn tại của xã hội, nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội, tạo lập trật tự, ổn định cho sự phát triển của xã hội.

Câu 52. Nhà nước ban hành pháp luật để điều chỉnh mọi quy tắc ứng xử của người dân trong cuộc sống hằng ngày.

Lời giải. Sai. Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung (general rules of conduct) do nhà nước ban hành (hoặc thừa nhận) để điều chỉnh các **quan hệ xã hội phổ biến** phù hợp với ý chí của giai cấp thống trị và được nhà nước đảm bảo thực hiện bằng quyền lực nhà nước.

Câu 53. Một quy phạm pháp luật bắt buộc phải có ba bộ phận là giả định, quy định, chế tài.

Lời giải. Sai. Có những quy phạm pháp luật chỉ có giả định và chế tài hoặc giả định và quy định.

Ví dụ, khoản 1 điều 9 Luật giao thông đường bộ 2008 quy định: *Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ.* Quy phạm pháp luật này chỉ gồm giả định và quy định.

Câu 54. Văn bản do cơ quan nhà nước ban hành là văn bản quy phạm pháp luật.

Lời giải. Sai. Văn bản quy phạm pháp luật là một hình thức văn bản do **cơ quan nhà nước có thẩm quyền** ban hành hoặc phối hợp ban hành theo **thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục luật định**, trong đó có các quy tắc xử sự chung mang tính bắt buộc chung, được nhà nước bảo đảm thực hiện nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội cơ bản và được áp dụng nhiều lần trong đời sống xã hội.

Câu 55. Văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức ban hành nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội.

Lời giải. Sai. Văn bản quy phạm pháp luật là một hình thức văn bản do **cơ quan nhà nước có thẩm quyền** ban hành hoặc phối hợp ban hành theo **thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục luật định**, trong đó có các quy tắc xử sự chung mang tính bắt buộc chung, được nhà nước bảo đảm thực hiện nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội cơ bản và được áp dụng nhiều lần trong đời sống xã hội.

Câu 56. Văn bản chứa đựng quy tắc xử sự chung cho mọi người là văn bản quy phạm pháp luật.

Lời giải. Sai. Văn bản quy phạm pháp luật là một hình thức văn bản do **cơ quan nhà nước có thẩm quyền** ban hành hoặc phối hợp ban hành theo **thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục luật định**, trong đó có các quy tắc xử sự chung mang tính bắt buộc chung, được nhà nước bảo đảm thực hiện nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội cơ bản và được áp dụng nhiều lần trong đời sống xã hội.

Câu 57. Mọi cơ quan nhà nước đều có quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Lời giải. Sai. Chỉ có cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới có quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 mới được ban hành hoặc phối hợp ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo **thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục luật định**.

Câu 58. Chỉ có các cơ quan nhà nước mới có quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Lời giải. Sai. Chỉ có cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới có quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 mới được ban hành hoặc phối hợp ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo **thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục luật định**.

Câu 59. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm Hiến pháp và các văn bản dưới luật.

Lời giải. Sai. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm **văn bản quy phạm pháp luật có giá trị luật** và **văn bản quy phạm pháp luật có giá trị dưới luật**.

Theo điều 4 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015:

Văn bản quy phạm pháp luật có giá trị luật bao gồm:

- Hiến pháp
- Bộ luật, luật, nghị quyết của Quốc hội.

Văn bản quy phạm pháp luật có giá trị dưới luật bao gồm:

- Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.
- Nghị định của Chính phủ; nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
- Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước.
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là cấp tỉnh).
- Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là cấp huyện).
- Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã).
- Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Câu 60. Quốc hội là cơ quan duy nhất có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Lời giải. Sai. Ngoài Quốc hội ban hành Hiến pháp, bộ luật, luật, nghị quyết thì các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chính phủ; Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan khác theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015.

Câu 61. Quốc hội là cơ quan duy nhất có thẩm quyền ban hành văn bản luật.

Lời giải. Đúng. Vì các văn bản quy phạm có giá trị luật bao gồm: **Hiến pháp, bộ luật, luật, nghị quyết do Quốc hội ban hành.** Các văn bản này đều do Quốc hội ban hành.

Câu 62. Văn bản dưới luật là những văn bản pháp luật do Quốc hội và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền ban hành.

Lời giải. Sai. Văn bản quy phạm pháp luật có giá trị dưới luật là những văn bản do các cơ quan nhà nước khác Quốc hội có thẩm quyền như: **Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, ...** ban hành

Câu 63. Văn bản dưới luật có giá trị pháp lý thấp hơn văn bản luật.

Lời giải. Đúng. Vì các văn bản quy phạm pháp luật có giá trị dưới luật phải **tuân thủ quy định, không được quy định trái** với các văn bản quy phạm pháp luật có giá trị luật (Hiến pháp, bộ luật, luật, nghị quyết do Quốc hội ban hành).

Câu 64. Các văn bản dưới luật có giá trị pháp lý tương đương nhau.

Lời giải. Sai. Các văn bản quy phạm pháp luật có giá trị dưới luật không có giá trị pháp lý tương đương nhau. Ví dụ: Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ có giá trị pháp lý thấp hơn Nghị định của Chính phủ.

Câu 65. Việc ban hành Luật Thủ Đô thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Lời giải. Sai. Hiến pháp, bộ luật, luật đều thuộc thẩm quyền ban hành của **Quốc hội**.

Câu 66. Hiến pháp, Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Quyết định của Chủ tịch nước, Nghị định của Chính phủ là những văn bản luật.

Lời giải. Sai. Văn bản luật bao gồm: Hiến pháp, bộ luật, luật, nghị quyết của Quốc hội. Quyết định của Chủ tịch nước, Nghị định của Chính phủ là những **văn bản dưới luật**, không phải văn bản luật.

Câu 67. Văn bản luật là văn bản chứa đựng các quy phạm pháp luật do các cơ quan, tổ chức cá nhân có thẩm quyền ban hành nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội theo ý chí của nhà nước.

Lời giải. Sai. Văn bản quy phạm pháp luật có giá trị luật gồm: Hiến pháp, bộ luật, luật, nghị quyết của Quốc hội. Tất cả các văn bản này đều do **Quốc hội ban hành**.

Câu 68. Chính phủ là cơ quan duy nhất có thẩm quyền ban hành **văn bản pháp luật** là Nghị định.

Lời giải. Đúng. Trong các văn bản quy phạm pháp luật (kể cả có giá trị luật và có giá trị dưới luật) thì Nghị định chỉ do Chính phủ ban hành.

Câu 69. Quốc hội là cơ quan duy nhất có thẩm quyền ban hành **văn bản pháp luật** là Nghị quyết.

Lời giải. Sai. Các văn bản quy phạm pháp luật là Nghị quyết có thể do Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng nhân dân các cấp ban hành.

Câu 70. Quốc hội là cơ quan duy nhất có thẩm quyền ban hành **văn bản luật** là Nghị quyết.

Lời giải. Đúng. Văn bản luật là các văn bản quy phạm pháp luật có giá trị luật, bao gồm: Hiến pháp, bộ luật, luật, nghị quyết của Quốc hội. Vậy Quốc hội là cơ quan duy nhất có thẩm quyền ban hành văn bản luật là Nghị quyết.

Câu 71. Nghị quyết do các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ban hành là văn bản luật.

Lời giải. Sai. Nghị quyết do Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp ban hành là văn bản dưới luật, không phải là văn bản luật.

Câu 72. Các quan hệ nảy sinh trong cuộc sống hàng ngày là quan hệ pháp luật.

Lời giải. Sai. Quan hệ pháp luật là các quan hệ xã hội **được các quy phạm pháp luật điều chỉnh.**

Quan hệ pháp luật là quan hệ giữa người với người do một quy phạm pháp luật điều chỉnh, biểu hiện thành quyền và nghĩa vụ pháp lý cụ thể của mỗi bên, được đảm bảo thực hiện bằng quyền cưỡng chế nhà nước.

Câu 73. Mọi quan hệ nảy sinh trong cuộc sống hằng ngày đều chịu sự chi phối của pháp luật.

Lời giải. Sai. Có những quan hệ xã hội do đạo đức hay tôn giáo điều chỉnh. Chỉ có quan hệ pháp luật mới chịu sự chi phối của pháp luật.

Câu 74. Chỉ quan hệ pháp luật mới mang tính ý chí của chủ thể tham gia.

Lời giải. Sai. Các quan hệ xã hội khác cũng mang tính ý chí của chủ thể tham gia.

Câu 75. Nếu không có quy phạm pháp luật điều chỉnh thì không có quan hệ pháp luật.

Lời giải. Đúng. Vì quan hệ pháp luật là các quan hệ xã hội được các quy phạm pháp luật điều chỉnh, nếu không có quy phạm pháp luật thì quan hệ pháp luật sẽ không tồn tại.

Câu 76. Năng lực chủ thể của các cá nhân khi tham gia vào một quan hệ pháp luật là giống nhau.

Lời giải. Sai. Năng lực chủ thể của các cá nhân khi tham gia vào một quan hệ pháp luật gồm:

- Năng lực pháp luật: là khả năng của chủ thể được hưởng quyền và nghĩa vụ pháp lý theo quy định của pháp luật, giống nhau giữa các cá nhân.
- Năng lực hành vi: là khả năng của chủ thể được nhà nước xác nhận trong quy phạm pháp luật cụ thể, chủ thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ pháp lý và độc lập chịu trách nhiệm pháp lý, **có thể khác nhau giữa các cá nhân tùy theo quy định của pháp luật.**

Câu 77. Năng lực pháp luật của các cá nhân khác nhau là không giống nhau.

Lời giải. Sai. Năng lực pháp luật là khả năng của chủ thể được hưởng quyền và nghĩa vụ pháp lý theo quy định của pháp luật, **giống nhau giữa các cá nhân.**

Câu 78. Năng lực hành vi của các cá nhân khác nhau là không giống nhau tùy thuộc vào độ tuổi của họ.

Lời giải. Đúng. Năng lực hành vi là khả năng của chủ thể được nhà nước xác nhận trong quy phạm pháp luật cụ thể, chủ thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ pháp lý và độc lập chịu trách nhiệm pháp lý, **tùy thuộc vào độ tuổi, các cá nhân sẽ có năng lực hành vi khác nhau.**

Câu 79. Năng lực hành vi có từ khi cá nhân được sinh ra và chỉ mất đi khi họ đã chết.

Lời giải. Sai. **Năng lực pháp luật** của cá nhân xuất hiện kể từ khi cá nhân sinh ra và chỉ mất đi khi cá nhân đó chết.

Năng lực hành vi chỉ có khi một cá nhân đạt đến độ tuổi nhất định, có thể **bị mất đi khi cá nhân không có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi** của mình khi tham gia quan hệ pháp luật.

Câu 80. Năng lực hành vi của cá nhân có từ khi cá nhân đủ 18 tuổi.

Lời giải. Sai. Các cá nhân từ 6 đến 18 tuổi có năng lực hành vi một phần, tùy theo luật định.

Câu 81. Người từ đủ 18 tuổi trở lên mới có năng lực pháp luật đầy đủ.

Lời giải. Sai. Năng lực pháp luật là khả năng của chủ thể được hưởng quyền và nghĩa vụ pháp lý theo quy định của pháp luật, **xuất hiện khi cá nhân sinh ra và chỉ mất đi khi cá nhân đó chết.**

Câu 82. Người từ đủ 18 tuổi trở lên là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

Lời giải. Sai. Người từ đủ 18 tuổi trở lên và **không bị tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự**, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, hạn chế năng lực hành vi dân sự thì mới có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

Câu 83. Người dưới 18 tuổi là người có năng lực hành vi dân sự hạn chế.

Lời giải. Sai. Người dưới 6 tuổi không có năng lực hành vi dân sự, người từ 6 đến 18 tuổi có năng lực hành vi dân sự một phần.

Câu 84. Người dưới 18 tuổi là người có năng lực hành vi dân sự một phần.

Lời giải. Sai. Người dưới 6 tuổi không có năng lực hành vi dân sự, người từ 6 đến 18 tuổi có năng lực hành vi dân sự một phần.

Câu 85. Người bị khiếm thính, khiếm thị là người hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Lời giải. Sai. Điều 24 Bộ luật Hình sự 2015 quy định người hạn chế năng lực hành vi dân sự: Người nghiện ma túy, nghiện các chất kích thích khác dẫn đến phá tán tài sản của gia đình thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án có thể ra quyết định tuyên bố người này là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Không có quy định người khiếm thính, khiếm thị bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Câu 86. Người uống rượu bia say là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Lời giải. Sai. Điều 24 Bộ luật Hình sự 2015 quy định người hạn chế năng lực hành vi dân sự: Người nghiện ma túy, nghiện các chất kích thích khác dẫn đến phá tán tài sản của gia đình thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án có thể ra quyết định tuyên bố người này là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Không có quy định người uống rượu bia say là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Câu 87. Người từ đủ 18 tuổi trở lên bị bệnh tâm thần là người không có năng lực hành vi dân sự.

Lời giải. Sai. Người dưới 6 tuổi là người không có năng lực hành vi dân sự.

Câu 88. Tư cách pháp nhân là tư cách con người theo quy định pháp luật của mọi tổ chức được thành lập trên lãnh thổ Việt Nam.

Lời giải. Sai. Chỉ có **tổ chức** đủ 4 điều kiện theo quy định tại khoản 1 điều 74 Bộ luật Dân sự 2015 mới có tư cách pháp nhân.

Điều 74. Pháp nhân

1. Một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - a. Được thành lập theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan;
 - b. Có cơ cấu tổ chức theo quy định của điều 83 Bộ luật này;
 - c. Có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình;
 - d. Nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.

Câu 89. Tổ chức được thành lập hợp pháp là tổ chức có tư cách pháp nhân.

Lời giải. Sai. Chỉ có **tổ chức** đủ 4 điều kiện theo quy định tại khoản 1 điều 74 Bộ luật Dân sự 2015 mới có tư cách pháp nhân.

Điều 74. Pháp nhân

1. Một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - a. Được thành lập theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan;
 - b. Có cơ cấu tổ chức theo quy định của điều 83 Bộ luật này;
 - c. Có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình;
 - d. Nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.

Câu 90. Chỉ tổ chức có tư cách pháp nhân mới được tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập.

Lời giải. Sai. Các tổ chức khác cũng có thể tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập như doanh nghiệp tư nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, ...

Câu 91. Khi tham gia quan hệ pháp luật, Nhà nước bình đẳng với các chủ thể khác về quyền và nghĩa vụ.

Lời giải. Sai. Trong quan hệ pháp luật hình sự, quan hệ pháp luật hành chính, Nhà nước là một bên sử dụng quyền lực nhà nước để quản lý xã hội bằng phương pháp quyền uy phục tùng, điều chỉnh các quan hệ xã hội phù hợp với ý chí của giai cấp thống trị.

Câu 92. Trong tất cả các quan hệ pháp luật mà Nhà nước tham gia, Nhà nước có địa vị pháp lý bình đẳng với các chủ thể khác.

Lời giải. Sai. Trong quan hệ pháp luật hình sự, quan hệ pháp luật hành chính, Nhà nước là một bên sử dụng quyền lực nhà nước để quản lý xã hội bằng phương pháp quyền uy phục tùng, điều chỉnh các quan hệ xã hội phù hợp với ý chí của giai cấp thống trị.

Câu 93. Trong quan hệ pháp luật dân sự, Nhà nước và các chủ thể khác bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ pháp lý.

Lời giải. Đúng. Theo quy định tại điều 97 Bộ luật Dân sự 2015:

Điều 97. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cơ quan nhà nước ở Trung ương, ở địa phương trong quan hệ dân sự

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cơ quan nhà nước ở Trung ương, ở địa phương khi tham gia quan hệ dân sự thì bình đẳng với các chủ thể khác và chịu trách nhiệm dân sự theo quy định tại Điều 99 và Điều 100 của Bộ luật này.

Câu 94. Ở nước ta, sự kiện pháp lý làm phát sinh quan hệ hôn nhân là sự kiện đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tổ chức lễ cưới tại gia đình.

Lời giải. Sai. Ở nước ta, sự kiện pháp lý làm phát sinh quan hệ hôn nhân là sự kiện đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Câu 95. Ở nước ta, sự kiện pháp lý làm chấm dứt quan hệ hôn nhân là sự kiện Tòa án ra bản án, quyết định chấp nhận cho hai bên ly hôn.

Lời giải. Sai. Ở nước ta, sự kiện pháp lý làm chấm dứt quan hệ hôn nhân là sự kiện bản án, quyết định chấp nhận cho hai bên ly hôn của Tòa án **có hiệu lực** (bản án sơ thẩm thì phải chờ 15 ngày để kháng cáo, kháng nghị).

Câu 96. Anh A đốt nển, lửa bắt vào rèm cửa gây cháy nhà anh A và một số nhà hàng xóm là sự biến pháp lý.

Lời giải. Sai. Sự biến pháp lý là những sự kiện pháp lý xảy ra trong tự nhiên, **không phụ thuộc vào ý chí của con người**, nhưng cũng có thể làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt các quan hệ pháp luật. Sự biến pháp lý là những hiện tượng trong tự nhiên, rất đa dạng như: bão, lũ lụt, hạn hán, động đất, sóng thần, núi lửa, ...

Câu 97. Hỏa hoạn, lũ lụt là sự biến pháp lý.

Lời giải. Sai. Nếu hỏa hoạn, lũ lụt là do con người tạo ra, xảy ra theo ý chí của con người thì khi đó nó là **hành vi pháp lý**, không phải sự biến pháp lý.

Câu 98. Mưa, gió, sấm, chớp là sự biến pháp lý.

Lời giải. Đúng. Vì sự biến pháp lý là những sự kiện pháp lý xảy ra trong tự nhiên, không phụ thuộc vào ý chí của con người.

Câu 99. Cháy rừng là sự biến pháp lý.

Lời giải. Nếu cháy rừng là do con người tạo ra, xảy ra theo ý chí của con người thì khi đó nó là **hành vi pháp lý**, không phải sự biến pháp lý.

Câu 100. Hành vi trái pháp luật là hành vi vi phạm pháp luật.

Lời giải. Sai. Vi phạm pháp luật là **hành vi** (hành động hoặc không hành động) **trái pháp luật** và **có lỗi** do **chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý** thực hiện, **xâm phạm** đến quan hệ xã hội được Nhà nước xác lập và bảo vệ.

Câu 101. Hành vi vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật.

Lời giải. Đúng. Vi phạm pháp luật là **hành vi** (hành động hoặc không hành động) **trái pháp luật** và **có lỗi** do **chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý** thực hiện, **xâm phạm** đến quan hệ xã hội được Nhà nước xác lập và bảo vệ.

Câu 102. Thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật gây ra phải là thiệt hại về vật chất.

Lời giải. Sai. Thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật gây ra có thể là thiệt hại về vật chất hoặc thiệt hại về tinh thần.

Câu 103. Hành vi trái với đạo đức, chuẩn mực thông thường trong xã hội là hành vi vi phạm pháp luật.

Lời giải. Sai. Vì vi phạm pháp luật là **hành vi** (hành động hoặc không hành động) **trái pháp luật** và **có lỗi** do **chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý** thực hiện, **xâm phạm** đến quan hệ xã hội được Nhà nước xác lập và bảo vệ.

Câu 104. Chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý mà thực hiện hành vi trái pháp luật thì vi phạm pháp luật.

Lời giải. Sai. Vì vi phạm pháp luật là **hành vi** (hành động hoặc không hành động) **trái pháp luật** và **có lỗi** do **chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý** thực hiện, **xâm phạm** đến quan hệ xã hội được Nhà nước xác lập và bảo vệ.

Câu 105. Cấu thành của vi phạm pháp luật bao gồm mặt chủ thể, mặt chủ quan, chủ thể và khách thể của vi phạm pháp luật.

Lời giải. Sai. Cấu thành của vi phạm pháp luật bao gồm:

- Mặt khách quan của vi phạm pháp luật: trái pháp luật, gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội (thể chất, tinh thần, vật chất).
- Mặt chủ quan của vi phạm pháp luật: lỗi cố ý, lỗi vô ý.
- Chủ thể của vi phạm pháp luật: cá nhân, tổ chức có năng lực trách nhiệm pháp lý.
- Khách thể của vi phạm pháp luật: quan hệ xã hội được nhà nước xác lập và bảo vệ.

Câu 106. Không biết trước hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội thì không được coi là có lỗi.

Lời giải. Sai. Không thấy trước hành vi của mình có thể gây hậu quả mặc dù phải thấy trước và có thể thấy trước (vô ý vì cẩu thả) vẫn được coi là có lỗi.

Câu 107. A đánh B gây thương tích thì khách thể bị xâm hại là B.

Lời giải. Sai. Khách thể của vi phạm pháp luật là quan hệ xã hội được nhà nước xác lập và bảo vệ. Khi A đánh B gây thương tích thì khách thể bị xâm hại là **sức khỏe của B**.

Câu 108. A có hành vi trộm cắp máy laptop của B thì khách thể bị xâm hại là cái máy laptop.

Lời giải. Sai. Khách thể của vi phạm pháp luật là quan hệ xã hội được nhà nước xác lập và bảo vệ. Khi A có hành vi trộm cắp laptop của B thì khách thể bị xâm hại là **tài sản**, laptop là **đối tượng bị xâm hại**.

Câu 109. C (tâm thần) dùng gậy đánh nhiều nhát vào người D là hành vi vi phạm pháp luật.

Lời giải. Sai. Vì C bị tâm thần nên C bị mất năng lực trách nhiệm pháp lý, nên đây không là hành vi vi phạm pháp luật.

Câu 110. N (13 tuổi) có hành vi trộm cắp tài sản (trị giá 250 triệu đồng) của gia đình ông P là hành vi vi phạm pháp luật hình sự.

Lời giải. Sai. Vì theo quy định tại khoản 2 điều 12 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, người từ đủ 14 tuổi trở lên mới phải chịu trách nhiệm về tội cướp tài sản.

Câu 111. M (15 tuổi) có hành vi trộm cắp tài sản (trị giá 50 triệu đồng) của gia đình ông Q là hành vi vi phạm pháp luật.

Lời giải. Đúng. Vì theo quy định tại khoản 2 điều 12 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, người từ đủ 14 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm về tội cướp tài sản.

Câu 112. M (15 tuổi) có hành vi trộm cắp tài sản (trị giá 50 triệu đồng) của gia đình ông Q là hành vi vi phạm pháp luật hình sự.

Lời giải. Đúng. Vì theo quy định tại khoản 2 điều 12 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, người từ đủ 14 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm về tội cướp tài sản.

Câu 113. Hành vi trộm cắp tài sản là hành vi vi phạm pháp luật hình sự.

Lời giải. Sai. Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 chỉ quy định hành vi vi phạm pháp luật hình sự đối với hành vi trộm cắp tài sản có giá trị từ 2 000 000 đồng trở lên.

Câu 114. Hậu quả là yếu tố bắt buộc phải có đối với các hành vi vi phạm pháp luật.

Lời giải. Sai. Đối với tội phạm có cấu thành tội phạm hình thức thì không cần có hậu quả.

Câu 115. A (15 tuổi) đánh B gây tổn hại 5% sức khỏe của B là hành vi vi phạm pháp luật.

Lời giải. Đúng. Trong trường hợp A (15 tuổi) đánh B gây tổn hại 5% sức khỏe của B thì đây sẽ được xem xét là hành vi vi phạm pháp luật hành chính.

Câu 116. A (13 tuổi) đánh B gây tổn hại 50% sức khỏe của B là hành vi vi phạm pháp luật.

Lời giải. Sai. Vì A không có năng lực trách nhiệm pháp lý, do A mới 13 tuổi, chưa đáp ứng điều kiện về độ tuổi.

Câu 117. A (18 tuổi) đánh B gây tổn hại 5% sức khỏe của B là hành vi vi phạm pháp luật.

Lời giải. Đúng. Trong trường hợp A (18 tuổi) đánh B gây tổn hại 5% sức khỏe của B thì đây sẽ được xem xét là hành vi vi phạm pháp luật hành chính.

Câu 118. A (18 tuổi) đánh B gây tổn hại 5% sức khỏe của B là hành vi vi phạm pháp luật hình sự.

Lời giải. Sai. Theo điều 134 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì hành vi đánh người gây tổn hại trên 11% sức khỏe hoặc dưới 11% nhưng thuộc vào những trường hợp nghiêm trọng thì mới được xem là hành vi vi phạm pháp luật hình sự.

Câu 119. Hành vi cố ý đánh người gây thương tích là hành vi vi phạm pháp luật hình sự.

Lời giải. Sai. Theo điều 134 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì hành vi đánh người gây tổn hại trên 11% sức khỏe hoặc dưới 11% nhưng thuộc vào những trường hợp nghiêm trọng thì mới được xem là hành vi vi phạm pháp luật hình sự.

Câu 120. Mỗi hành vi vi phạm pháp luật chỉ phải chịu một loại trách nhiệm pháp lý.

Lời giải. Sai. Trong một số trường hợp, một hành vi vi phạm pháp luật có thể phải chịu cả trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự.

Câu 121. Trách nhiệm hình sự là loại trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc nhất.

Lời giải. Đúng. Trách nhiệm hình sự gắn với các khung hình phạt/chế tài xử lý nặng nhất, nghiêm khắc nhất của Nhà nước.

Câu 122. Một hành vi vi phạm pháp luật có thể phải chịu đồng thời nhiều loại trách nhiệm pháp lý khác nhau.

Lời giải. Đúng. Trong một số trường hợp, một hành vi vi phạm pháp luật có thể phải chịu cả trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự.

Câu 123. Một hành vi vi phạm pháp luật có thể phải chịu đồng thời trách nhiệm pháp lý hình sự và hành chính.

Lời giải. Sai. Nếu hành vi vi phạm pháp luật đó không cấu thành tội phạm thì chỉ bị xử phạt hành chính. Nói cách khác, một hành vi vi phạm pháp luật hoặc là chịu trách nhiệm hình sự, hoặc là chịu trách nhiệm hành chính, **chứ không phải chịu đồng thời** cả hai.

Câu 124. Một hành vi vi phạm pháp luật có thể phải chịu đồng thời trách nhiệm pháp lý hình sự và dân sự.

Lời giải. Đúng. Trong một số trường hợp, một hành vi vi phạm pháp luật có thể phải chịu cả trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự.

Câu 125. Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm pháp lý.

Lời giải. Sai. Chủ thể của hành vi vi phạm pháp luật phải có năng lực trách nhiệm pháp lý thì hành vi vi phạm pháp luật mới phải chịu trách nhiệm pháp lý.

Câu 126. Tòa án là cơ quan duy nhất có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật.

Lời giải. Sai. Điều 102 Hiến pháp 2013 quy định:

1. Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp.

2. Tòa án nhân dân gồm Tòa án nhân dân tối cao và các Tòa án khác do luật định.

3. Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Câu 127. Hiến pháp là văn bản pháp luật có hiệu lực pháp lý tối cao trên lãnh thổ mỗi quốc gia.

Lời giải. Đúng. Hiến pháp là đạo luật gốc, đạo luật cơ bản, là văn bản pháp luật có hiệu lực pháp lý cao nhất trên lãnh thổ một quốc gia. Các văn bản pháp luật khác không được trái với hiến pháp.

Câu 128. Người làm việc trong cơ quan nhà nước là cán bộ, công chức nhà nước.

Lời giải. Sai.

- Cán bộ là công dân Việt Nam, được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện. (Khoản 1, điều 4 Luật Cán bộ, công chức 2008)
- Công chức là công dân Việt Nam, được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh tương ứng với vị trí việc làm trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách Nhà nước trong:
 - - Cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện;
 - - Cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng;
 - - Cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân mà không phải là sĩ quan, hạ sĩ quan phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp, công nhân công an.

(theo khoản 1 điều 1 Luật sửa đổi Luật Cán bộ, công chức 2019)

Trong cơ quan nhà nước còn có **người lao động**.

Câu 129. Nếu xác định một hành vi vi phạm pháp luật là hành vi vi phạm pháp luật hành chính thì không được áp dụng hình phạt đối với người vi phạm.

Lời giải. Sai. Nếu một hành vi vi phạm pháp luật hành chính thì người thực hiện sẽ bị áp dụng hình phạt hành chính/hình phạt bổ sung theo quy định của pháp luật.

Câu 130. Chỉ chủ sở hữu tài sản mới có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản.

Lời giải. Sai. Những người được chủ sở hữu tài sản ủy quyền cũng có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản.

Câu 131. Chỉ có cha, mẹ đẻ, con đẻ của người để lại di sản mới được hưởng thừa kế của người đó theo quy định của pháp luật.

Lời giải. Sai. Theo quy định thì con nuôi, cha mẹ nuôi cũng thuộc hàng thừa kế thứ I, nghĩa là cũng được hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Câu 132. Con được hưởng thừa kế của cha mẹ phải là con của người vợ, người chồng hợp pháp.

Lời giải. Sai. Theo quy định thì con thuộc hàng thừa kế thứ I không phân biệt con trong giá thú hay con ngoài giá thú.

Câu 133. Cha, mẹ không được hưởng thừa kế của con nếu đã cho con làm con nuôi của người khác.

Lời giải. Sai. Cha, mẹ đẻ có thể được hưởng thừa kế trong di chúc theo ý chí của con. Ngoài ra, cha, mẹ đẻ cũng thuộc hàng thừa kế thứ I theo quy định của pháp luật.

Câu 134. Đứa trẻ đã được người khác nhận làm con nuôi theo đúng quy định của pháp luật thì không được hưởng thừa kế từ di sản do cha mẹ đẻ của mình để lại.

Lời giải. Sai. Đứa trẻ có thể được hưởng thừa kế trong di chúc theo ý chí của cha, mẹ đẻ. Ngoài ra, con ruột cũng thuộc hàng thừa kế thứ I theo quy định của pháp luật.

Câu 135. Người thừa kế chỉ có thể là cá nhân.

Lời giải. Sai. Người thừa kế trong di chúc có thể là bất kì cá nhân, tổ chức nào theo ý chí của người để lại thừa kế.

Câu 136. Thời hiệu khởi kiện về thừa kế là 10 năm kể từ thời điểm người để lại di sản chết.

Lời giải. Sai. Khoản 1 điều 623 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: *Thời hiệu khởi kiện để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế.*

Câu 137. Người có tài sản không được lập di chúc để lại tài sản của mình cho người không có mối quan hệ huyết thống hoặc quan hệ hôn nhân.

Lời giải. Sai. Người thừa kế trong di chúc có thể là bất kì cá nhân, tổ chức nào theo ý chí của người để lại thừa kế.

Câu 138. Ông A bị tai nạn giao thông ngày 01/4/2017. Ngày 02/5/2017, ông A có di chúc miệng hợp pháp để lại toàn bộ tài sản cho bà B. Ngày 05/8/2017 ông A chết. Trong trường hợp này, di sản của ông A được chia theo di chúc miệng ngày 02/5/2017.

Lời giải. Sai. Sau 03 tháng mà người để lại di chúc miệng còn sống, minh mẫn, sáng suốt thì di chúc miệng mặc nhiên bị hủy bỏ.

Câu 139. Độ tuổi để được kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình 2014 là nam, nữ phải từ 18 tuổi trở lên.

Lời giải. Sai. Độ tuổi để được kết hôn theo quy định tại điều 8 Luật Hôn nhân gia đình 2014 là nam từ đủ 20 tuổi, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên.

Câu 140. Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam cấm kết hôn giữa những người đồng giới.

Lời giải. Sai. Luật Hôn nhân gia đình 2014 **không thừa nhận**, chứ không phải cấm, hôn nhân giữa những người đồng giới.

Câu 141. Tất cả các tài sản có được trong quá trình hôn nhân là tài sản chung của vợ chồng.

Lời giải. Sai. Những tài sản được xác định là tài sản riêng hoặc tài sản mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản riêng thì là tài sản riêng của vợ/chồng.

Câu 142. Nếu người vợ mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi thì chồng không được quyền yêu cầu ly hôn.

Lời giải. Sai. Khoản 3, điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định:

Chồng không có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

Câu 143. Khi vợ chồng ly hôn, việc giao nuôi dưỡng con chung sẽ được thực hiện theo nguyên tắc: con dưới 36 tháng tuổi sẽ được giao cho mẹ nuôi dưỡng, con trên 7 tuổi trở lên phải theo ý nguyện của con.

Lời giải. Đúng. Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định như sau:

Điều 81. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn

1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.

Câu 144. Con được sinh ra sau khi hai vợ chồng đã ly hôn thì không được coi là con chung của vợ chồng.

Lời giải. Sai. Khoản 1 điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định:

Con được sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân được coi là con do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân.

Câu 145. Con được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân mặc nhiên được thừa nhận là con chung của vợ chồng.

Lời giải. Sai. Trong trường hợp cha/mẹ không thừa nhận con theo xác định của Tòa án thì không phải là con chung của vợ chồng.